

Số: 122/2020/QĐST-HNGĐ

Thọ Xuân, ngày 01 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Trọng B, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Trọng B và chị Lê Thị H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Vũ Trọng B và chị Lê Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Vũ Trọng B và chị Lê Thị H có 01 (một) con chung là cháu Vũ Trọng Đức M, sinh ngày 22/03/2019.

Chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Trọng Đức M; Anh Vũ Trọng B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*) tính từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Vũ Trọng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản và công nợ: Anh Vũ Trọng B và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Trọng B và chị Lê Thị H thỏa thuận anh Vũ Trọng B chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ, tổng là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007325 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; Anh Vũ Trọng B đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến